



7 PHIẾU ÔN TẬP HÈ MÔN TOÁN 5

PHIẾU 1

PHẦN 1 : PHẦN TRẮC

NGHIỆM

Mỗi bài tập sau đây có kèm theo các câu hỏi A ,B, C và D. Hãy khoanh tròn vào câu trả lời đúng nhất.

1. 76% của 2 giờ là:

- A. 5472 giây B. 9473 giây C. 2736 giây D. Cả A, B, C đều sai

2. Em đi bộ quanh một cái ao hình tròn trong 20 giây. Tính ra mỗi giờ em đi được 5,652 km. Tính bán kính cái ao đó .

- A. 20 m B. 5 m C. 10 m D. 0,1413 m

3. Một nông trường có 408 con trâu, vừa ngựa, vừa ngựa, vừa bò. Biết: số trâu ít hơn số ngựa là 12 con, số bò gấp đôi số trâu. Hãy tính số con bò của nông trường ấy.

- A. 99 con B. 198 con C. 111 con D. 146 con

4. Một người đi xe đạp xuôi theo chiều gió từ tỉnh A đến tỉnh B với vận tốc 18 km/h. Lúc quay về, vì ngược gió nên người đó chỉ đi được (từ tỉnh B về tỉnh A) với vận tốc 12 km/h. Tính vận tốc trung bình cả quãng đường đi và về.

- A. 15 km/h B. 14,4 km/h C. 36 km/h D. 27 km/h

5. Một ô tô đi từ A đến B với vận tốc 30 km/h, sau đó đi từ B về A với vận tốc 40 km/h. Thời gian đi nhiều hơn thời gian về 40 phút. Vậy quãng đường AB dài:

- A. 40 km B. 15 km C. 56,2 km D. 80 km

6. Tính chiều cao một hình thang có đáy lớn 56 m, đáy bé 29 m và một nửa diện tích là 497,25

- A. 23,4 cm B. 123,4 m C. 11,7 m D. Cả A,B,C đều sai

PHẦN 2: PHẦN TỰ LUẬN

1. Tính giá trị biểu thức sau: $45,85 : 25 \times 0,001 + 78,1 - 3,3$



2. Điền số hoặc đơn vị thích hợp vào chỗ chấm.

45,89 ha = dag 98,621 tấn = dag 21,09 hm = dam
.... m

36,897 m = m 890 dm 4,533 yên = kg 31 dag 12 tạ = 3/25.....

3. Tìm y, biết: 2 giờ 40 phút: y = 5/7 giờ

4. Một khu vườn hình chữ nhật có chu vi là 108 m. Nếu tăng chiều rộng thêm 8 m và giảm chiều dài đi 8 m thì khu vườn sẽ trở thành hình vuông. Tính diện tích khu vườn đó.



PHIẾU 2

Bài 1: Các câu sau đây có kèm theo các câu trả lời A, B, C và D. Đánh dấu X vào trước câu trả lời đúng nhất.

A. Một trường học có 864 em. Số em nữ chiếm 54% số em của toàn trường. Vậy số em nam của trường đó là bao nhiêu?

- a. 46 em b. 736 em c. 637 em d. Cả A, B, C đều sai

B. Thương của hai số là 32. Nếu giảm số chia đi 8 đơn vị thì thương mới sẽ là 35,2. Vậy số bị chia của phép chia đó là:

- a. 2816 b. 281,6 c. 88 d. 80

C. Một số tự nhiên có ba chữ số. Nếu bớt đi chữ số hàng trăm của số đó thì được số mới. Nếu lấy số đó chia cho số mới ta được thương là 5 dư 12. Vậy có mấy số thích hợp với số lúc đầu?

- a. 2 b. 3 c. 4 d. 5

D. Đuôi con cá nặng 250 gam, đầu con cá nặng bằng đuôi và một nửa thân, thân con cá nặng bằng đầu và đuôi. Vậy con cá đó cân nặng:

- a. 1,5 kg b. 0,2 yến c. 0,75 tạ d. 300 dag

E. Tìm một số biết rằng nếu đem số đó chia cho 3 được bao nhiêu trừ 7 thì được 9.

- a. 48 b. 4,8 c. 54 d. Cả A, B, C đều sai

G. Tìm một số tự nhiên có ba chữ số. Biết chữ số hàng chục gấp đôi chữ số hàng trăm, tổng của ba chữ số ấy bằng 11 và nếu lấy số đó chia cho 5 thì số dư là 2.

- a. 362,0 b. 328 c. 876 d. Cả A, B, C đều sai.

Bài 2: Tính A, biết $A = 46,8 + 9,15 \times 46,8 + 90,85 \times 46,8$.

Bài 3: Một ca nô xuôi dòng từ bến A đến bến B hết 2 giờ, ngược dòng từ bến B về bến A hết 5 giờ. Hỏi một cụm bè trôi theo dòng nước từ bến A đến bến B hết bao lâu?



Bài 4: Có 4 chai nước A, B, C và D. Lượng nước trong cả ba chai A, B, C là 0,95 lít. Lượng nước trong cả ba chai B, C, D là 0,825 lít. Lượng nước trong cả ba chai A, B, D là 0,875 lít. Tính lượng nước trong mỗi chai.

Bài 5: Cho hình thang ABCD có đáy bé là AB. Hai đường chéo AC và BD cắt nhau tại E. Tính diện tích hình thang đó, biết rằng diện tích hình tam giác AEB là $7,5 \text{ cm}^2$ và diện tích hình tam giác BEC gấp 2 lần diện tích tam giác AEB.



PHIẾU 3

ÔN TẬP VỀ DẠNG TOÁN TỔNG – TỈ

Bài 1: Trên bãi cỏ có 20 con trâu và 11 con bò.

a) Viết tỉ số của trâu và bò

b) Viết tỉ số của số bò so với tổng số trâu và số bò có trên bãi cỏ đó.

Bài 2: Tổng của hai số là 100. Số bé bằng $\frac{2}{3}$ số lớn. Tìm hai số đó.

Bài 3: Lớp 4A có 32 học sinh. Số học sinh nam bằng $\frac{3}{5}$ số học sinh nữ. Hỏi lớp 4A có bao nhiêu học sinh nam, bao nhiêu học sinh nữ?

Bài 4: Một hình chữ nhật có chu vi 120m. Chiều rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài. Tính diện tích hình chữ nhật đó.

Bài 5: Năm nay tổng số tuổi của mẹ và con là 36 tuổi. Tuổi mẹ gấp 3 lần tuổi con. Hỏi năm nay mẹ bao nhiêu tuổi, con bao nhiêu tuổi?

Bài 6: Trung bình cộng của hai số là 70. Tỉ số của hai số là $\frac{2}{5}$. Tìm hiệu của hai số đó.

PHIẾU 4

Ôn tập về dạng toán hiệu – tỉ

Bài 1: Hiệu của hai số là 25. Tỉ số của hai số là $\frac{2}{7}$. Tìm hai số đó.

Bài 2: Khối lớp 4 có nhiều hơn khối lớp 5 là 60 học sinh. Số học sinh khối 5 bằng $\frac{3}{4}$ số học sinh khối 4. Hỏi mỗi khối có bao nhiêu học sinh?

Bài 3: Nền của một hội trường hình chữ nhật có chiều dài hơn chiều rộng 8m và chiều rộng bằng $\frac{3}{5}$ chiều dài. Người ta lát nền hội trường bằng gạch men, mỗi mét vuông gạch giá 350 000đồng. Tính số tiền mua gạch men để lát kín nền nhà đó.

Bài 4. Hình bình hành ABCD có độ dài cạnh AB hơn độ dài cạnh BC là 36cm. Tính chu vi hình bình hành ABCD, biết độ dài cạnh BC bằng $\frac{2}{5}$ độ dài cạnh AB.(vẽ hình)

Bài 5: Hiệu của hai số là 2005. Tỉ số của hai số đó là $\frac{3}{8}$. Tìm tổng và tích của hai số đó.

Bài 6: Năm nay mẹ hơn con 24 tuổi. Tuổi con bằng $\frac{1}{4}$ tuổi mẹ. Hỏi năm nay tuổi con và mẹ?



PHIẾU 5

Ôn tập về dấu hiệu chia hết

Bài 1: Trong các số sau: 605; 7362; 2640; 4136; 1207; 20601

a, Số nào chia hết cho 2, số nào chia hết cho 5 ?

b, Số nào chia hết cho 3, số nào chia hết cho 9 ?

c, Số nào chia hết cho cả 2 và 5 ?

Bài 2: Điền chữ số thích hợp vào ô trống:

a, 5 8 chia hết cho 3 b, 6 3 chia hết cho 9

c, 24 chia hết cho cả 3 và 5 d, 35 chia hết cho cả 2 và 3

Bài 3: Trong các số: 475 ; 340 ; 785 ; 106 ; 335 ; 1 760 ; 5 147.

Số nào chia hết cho 5 ; số nào chia hết cho cả 2 và 5; Số nào chia hết cho 5 nhưng không chia hết cho 2.

Bài 4: Trong các số 741; 567 ; 656 ; 3 249 ; 4 986 ; 5 133 ; 9 234.

Số nào chia hết cho 3 ; số nào chia hết cho cả 3 và 9; Số nào chia hết cho 3 nhưng không chia hết cho 9.

Bài 5: Lan có một số kẹo ít hơn 40 nhưng nhiều hơn 20. Nếu Lan chia đều cho 5 bạn hoặc chia đều cho 2 bạn thì cũng vừa hết. Hỏi Lan có bao nhiêu kẹo ?

PHIẾU 6

Ôn dạng toán trung bình cộng, toán tổng – hiệu

Bài 1: Lớp 5A quyên góp được 33 quyển vở, lớp 4B quyên góp được 28 quyển vở, lớp 4C quyên góp được nhiều hơn lớp 4B 7 quyển vở. Hỏi trung bình mỗi lớp quyên góp được bao nhiêu quyển vở?

Bài 2: Một ô tô trong 3 giờ đầu, mỗi giờ đi được 48km. Trong 2 giờ sau, mỗi giờ đi được 42km. Hỏi trung bình mỗi giờ ô tô đó đi được bao nhiêu ki – lô – mét?

Bài 3: Trung bình cộng của hai số là số lớn nhất có hai chữ số, số lớn hơn số bé 52 đơn vị. Tìm hai số đó.

Bài 4: Cô Vân và cô Hòa mua chung một mảnh vải giá 90 000 đồng, cô Vân phải trả cho cửa hàng nhiều hơn cô Hòa 15 000 đồng. Hỏi mỗi người phải trả cho cửa hàng bao nhiêu tiền?

Bài 5: Một mảnh đất hình chữ nhật có chu vi là 72m, chiều dài hơn chiều rộng 54dm. Tính diện tích của mảnh đất đó.

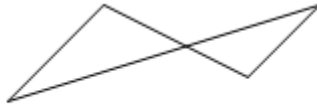
PHIẾU 7

Ôn tập về hình học

Bài 1: Hình nào dưới đây có đường thẳng song song và có các đường thẳng vuông góc?



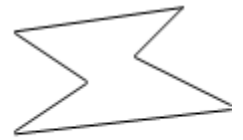
H. 1



H. 2

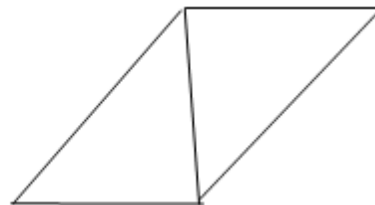


H. 3



H. 4

Bài 2: Hãy chỉ ra đáy và chiều cao của mỗi hình bình hành sau:



Bài 3: Tính diện tích hình bình hành, biết:

- a) Độ dài đáy là 12cm, chiều cao là 8cm.
- b) Độ dài đáy là 85dm, chiều cao là 7m.

Bài 4: Tính diện tích hình thoi, biết:

- a) Độ dài hai đường chéo là 7cm và 4cm.
- b) Độ dài hai đường chéo là 5cm và 4cm.

Bài 5: Một khu đất hình bình hành có độ dài đáy là 72m, chiều cao bằng $\frac{1}{3}$ độ dài đáy. Người ta trồng khoai trên khu đất, tính ra mỗi mét vuông thu được 4kg khoai. Hỏi người ta thu hoạch được ở khu đất đó bao nhiêu tạ khoai?

Bài 6: Một hình bình hành có diện tích là 180 cm, tích chiều cao của hình bình hành đó

Bài 7: Một miếng đất hình thoi có độ dài một cạnh bằng 42m, người ta muốn rào xung quanh miếng đất bằng 4 đường dây kẽm gai. Hỏi cần tất cả bao nhiêu mét dây kẽm gai để rào?

Ôn tập về hình học

Bài 1: Tính chu vi và diện tích của hình vuông có cạnh bằng 25 cm.



Bài 2: Miếng đất hình vuông có chu vi 32m. Tính diện tích của miếng đất đó.

Bài 3: Tính chu vi và diện tích hình chữ nhật có chiều dài 30 cm và chiều rộng 15 cm

Bài 4: Một khu rừng hình chữ nhật có chiều dài 2km, chiều rộng kém chiều dài 1500m. Tính diện tích khu vườn đó ra ki – lô – mét vuông?

Bài 5: Một hình chữ nhật có nửa chu vi là 125 m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Tính diện tích hình chữ nhật đó.

Bài 6: Để lát một căn phòng, người ta đó dựng vừa hết 180 viên gạch vuông có cạnh 50 cm. Hỏi căn phòng đó có diện tích bao nhiêu m^2 , biết diện tích phần mạch vữa không